

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Xây dựng cầu mới thay thế cống vòm tại Km8+170, đường tỉnh 516C,
xã Định Thành, huyện Yên Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cầu mới thay thế cống vòm tại Km8+170 đường tỉnh 516C, xã Định Thành, huyện Yên Định;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5915/TTr-SGTVT ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Xây dựng cầu mới thay thế cống vòm tại Km8+170 đường tỉnh 516C, xã Định Thành, huyện Yên Định; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 5864/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/11/2022 và hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Xây dựng cầu mới thay thế cống vòm tại Km8+170 đường tỉnh 516C, xã Định Thành, huyện Yên Định với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng cầu mới thay thế cống vòm tại Km8+170 đường tỉnh 516C, xã Định Thành, huyện Yên Định.

2. Nhóm, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

5. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn giao thông, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Tổng Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Thanh Hoá.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Định Thành, huyện Yên Định.

8. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 0,21 ha (trong đó phần đường cũ 700m²).

9. Phạm vi xây dựng: Trên đường tỉnh 516C, có: Điểm đầu tại Km8+097,10 và điểm cuối Km8+269,82 thuộc xã Định Thành, huyện Yên Định; tổng chiều dài 172,72m.

10. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Phần cầu: Đầu tư xây dựng mới bằng BTCT và BTCT DƯL theo tiêu chuẩn TCVN 11823 - 2017; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 3.10^{-3} Mpa; tần suất thiết kế $P=4\%$; thuộc vùng động đất có hệ số gia tốc nền $a=0,1017$; kênh không thông thuyền.

- Đường hai đầu cầu được vượt nội từ quy mô mặt cắt ngang $B_n=13,0m$, $B_m=11,0m$ về $B_n=6,0m$, $B_m=5,0m$ (đường hiện trạng).

11. Giải pháp thiết kế chủ yếu

11.1. Phần cầu (Km8+170): Cầu nằm trong đoạn tuyến có độ dốc dọc 0% và vuông góc so với hướng dòng chảy; chiều rộng toàn cầu $B_c=(0,5+11+0,5)m=12m$.

- Sơ đồ nhịp: 01 nhịp dài 18m; chiều dài cầu đến đuôi mố $L=26,10m$.

- Kết cấu phần trên

+ Dầm bản rộng bằng BTCT DƯL 40Mpa, rộng 1,0m, cao 0,65m, dài 18m; mặt cắt ngang gồm 12 phiến dầm; liên kết các dầm bằng bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày min 20cm.

+ Khe co giãn dùng loại ray; thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc sẵn $\Phi 150$ dày 10mm, cửa thu nước và nắp chắn rác bằng gang đúc sẵn; lan can bằng thép mạ kẽm; gờ lan can bằng BTCT 25Mpa; gờ cầu sử dụng gờ cao su bản thép, kích thước (250x350x35)mm.

- Kết cấu phần dưới

+ Hai mố cầu tạo giống nhau, dạng mố dèo bằng BTCT 30Mpa, đặt trên nền móng gồm 04 cọc khoan nhồi đường kính $\Phi 1,0m$ bằng BTCT 30Mpa. Bản chuyển tiếp bằng BTCT 25Mpa.

+ Gia cố tứ nón bằng bê tông M200 dày 15cm trên lớp vữa đệm M100 dày

2cm; chân khay bằng bê tông M150.

11.2. Đường hai đầu cầu

- Đường hai đầu cầu có tổng chiều dài 146,61m; phía mố M1 từ Km8+97,10 - Km8+156,95 (dài 59,85m), phía mố M2 từ Km8+183,05 - Km8+269,82 (dài 86,77m); cụ thể:

+ 10m sau đuôi mố được vuốt nối từ $B_n=13m$, $B_m=11m$ về $B_n=12m$, $B_m=11m$; mái taluy được gia cố bằng bê tông M200 dày 15cm, chân khay bằng bê tông M150.

+ Các đoạn còn lại được vuốt nối từ $B_n=12m$, $B_m=11m$ về $B_n=6m$, $B_m=5m$; mặt đường láng nhựa, lề đất; độ dốc ngang mặt đường $i_m=3\%$ và lề đất $i_l=4\%$.

- Nền đường đắp bằng đất, đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$; trước khi đắp nền, đào bỏ lớp đất không thích hợp phía trên dày 0,3m; những đoạn có độ dốc ngang tự nhiên $>20\%$ tiến hành đào cấp, bề rộng cấp nhỏ nhất 1,0m; độ dốc mái taluy nền đắp là 1/1,5.

- Kết cấu áo đường:

+ Kết cấu đối với phần làm mới và mở rộng: Mặt đường được láng nhựa 02 lớp, TCN 3,0kg/m²; móng trên bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm chèn đá dăm dày 12cm, móng dưới bằng lớp móng đá dăm nước lớp dưới (4x6)cm dày 24cm (chia làm 02 lớp).

+ Kết cấu đối với phần trên đường cũ: Láng nhựa 02 lớp, TCN 3,0kg/m² trực tiếp lên mặt đường cũ.

11.3. Đường ngang (hiện trạng là BTXM): Tổng số có 04 đường ngang được vuốt nối đảm bảo êm thuận, kết cấu mặt đường bằng bê tông M300 dày 16cm trên lớp ni lông chống mất nước.

11.4. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hệ thống biển báo hiệu, lan can phòng hộ bằng tôn lượn sóng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo).

12. Tổng mức đầu tư: 8.000.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	992.975.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	6.025.586.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	165.649.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	622.136.000	đồng;
- Chi phí khác	52.296.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	141.358.000	đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

13. Nguồn vốn và cơ cấu vốn: Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 - 2023 là 7,0 tỷ đồng; nguồn vốn huy động của UBND huyện Yên Định thực

hiện công tác GPMB, đảm bảo giao thông và hoàn trả hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công là 1,0 tỷ đồng.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

15. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình theo báo cáo thẩm định số 5867/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/11/2022 của Sở Giao thông vận tải.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

17. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phạm vi đất của đường bộ theo Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Yên Định tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định.

18. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Giao thông vận tải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

- UBND huyện Yên Định có trách nhiệm bố trí nguồn vốn thực hiện công tác GPMB, đảm bảo giao thông và hoàn trả hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công; đồng thời tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo tiến độ hoàn thành công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Yên Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H').

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Công trình: Xây dựng cầu mới thay thế cống vòm tại Km8+170 đường tỉnh 516C,
xã Định Thành, huyện Yên Định**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	Cách tính	Giá trị dự toán
I	CHI PHÍ GPMB	Theo khái toán chi tiết chi phí GPMB được Ban QLDA, UBND huyện Yên Định xác nhận	992.975.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Dự toán chi tiết	6.025.586.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	5.477.805.406 x 3,024%	165.649.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Cộng 1-7	622.136.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Quyết định số 1027/QĐ-SGTVT ngày 21/10/2022	6.106.000
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát		8.287.000
3	Chi phí khảo sát	Quyết định số 1030/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2022	219.800.000
4	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		194.367.000
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	6.040.650.000 x 0,200%	12.081.000
6	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	6.040.650.000 x 0,100%	6.041.000
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	5.477.805.406 x 3,203%	175.454.000
V	CHI PHÍ KHÁC	Cộng 1-4	52.296.000
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	8.000.000.000 x 0,019%	1.520.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	7.362.154.500 x 0,390%	28.712.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	5.477.805.406 x 0,250%	15.064.000
4	Chi phí đảm bảo giao thông và hoàn trả hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công	Dự toán chi tiết	7.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG:		141.358.000
	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh	I+II+III+IV+V x 1,80%	141.358.000
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (làm tròn)		(I+II+III+IV+V+VI)	8.000.000.000